

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH MÃ NGUỒN NGÂN SÁCH DỰ TOÁN KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 132/QĐ-PGDĐT ngày 19/6/2025 của Phòng GD&ĐT Cẩm Phả)

TT	Chương	Khoản	Mã ĐVQHNS	Tên trường	Kinh phí tiền lương HĐLĐ đã giao tại Quyết định số 110/QĐ-PGDĐT ngày 02/6/2025 - Mã nguồn 12	Kinh phí tiền lương HĐLĐ điều chỉnh tại Quyết định số 132/QĐ-PGDĐT ngày 19/6/2025			Ghi chú
						Mã nguồn 12	Mã nguồn 18	Cộng	
				Tổng số:	11.611.845.000	10.873.635.000	738.210.000	11.611.845.000	
I				Tiểu học	3.558.920.000	3.316.420.000	242.500.000	3.558.920.000	
1	622	072	1027825	Trường TH Suối Khoáng	135.799.000	125.939.000	9.860.000	135.799.000	
2	622	072	1039361	Trường TH Quang Hanh	200.131.000	186.991.000	13.140.000	200.131.000	
3	622	072	1039137	Trường TH Cẩm Thạch	153.043.000	143.183.000	9.860.000	153.043.000	
4	622	072	1037782	Trường TH Cẩm Thủy	218.474.000	203.694.000	14.780.000	218.474.000	
5	622	072	1072013	Trường TH Cẩm Trung	203.694.000	188.914.000	14.780.000	203.694.000	
6	622	072	1039136	Trường TH Phan Bội Châu	203.694.000	188.914.000	14.780.000	203.694.000	
7	622	072	1037924	Trường TH Cẩm Bình	198.050.000	184.280.000	13.770.000	198.050.000	
8	622	072	1037783	Trường TH Hồ Tùng Mậu	175.070.000	162.380.000	12.690.000	175.070.000	
9	622	072	1042803	Trường TH Cẩm Đông	198.053.000	184.283.000	13.770.000	198.053.000	
10	622	072	1014225	Trường TH Cẩm Sơn 1	198.025.000	184.255.000	13.770.000	198.025.000	
11	622	072	1039478	Trường TH Cẩm Sơn 2	198.025.000	184.255.000	13.770.000	198.025.000	
12	622	072	1105681	Trường TH Võ Thị Sáu	220.944.000	206.164.000	14.780.000	220.944.000	
13	622	072	1077104	Trường TH Thái Bình	238.184.000	223.404.000	14.780.000	238.184.000	
14	622	072	1039131	Trường TH Trần Hưng Đạo	220.944.000	206.164.000	14.780.000	220.944.000	
15	622	072	1042801	Trường TH Kim Đồng	203.692.000	188.912.000	14.780.000	203.692.000	

TT	Chương	Khoản	Mã ĐVQHNS	Tên trường	Kinh phí tiền lương HDLD đã giao tại Quyết định số 110/QĐ-PGDĐT ngày 02/6/2025 - Mã nguồn 12	Kinh phí tiền lương HDLD điều chỉnh tại Quyết định số 132/QĐ-PGDĐT ngày 19/6/2025			Ghi chú
						Mã nguồn 12	Mã nguồn 18	Cộng	
16	622	072	1039133	Trường TH Trần Quốc Toản	203.694.000	188.914.000	14.780.000	203.694.000	
17	622	072	1072018	Trường TH Mông Dương	250.824.000	236.044.000	14.780.000	250.824.000	
18	622	072	1037781	Trường TH Nguyễn Trãi	138.580.000	129.730.000	8.850.000	138.580.000	
19	622	072	1127133	Trường TH&THCS Hải Hòa		-			
20	622	072	1127099	Trường TH&THCS Dương Huy		-			
II				THCS	8.052.925.000	7.557.215.000	495.710.000	8.052.925.000	
1	622	073	1127133	Trường TH&THCS Hải Hòa	350.017.000	325.377.000	24.640.000	350.017.000	
2	622	073	1127099	Trường TH&THCS Dương Huy	422.821.000	398.181.000	24.640.000	422.821.000	
3	622	073	1039477	Trường THCS Suối Khoáng	453.487.000	424.927.000	28.560.000	453.487.000	
4	622	073	1039892	Trường THCS Quang Hanh	445.158.000	418.328.000	26.830.000	445.158.000	
5	622	073	1062821	Trường THCS Thống Nhất	398.623.000	373.983.000	24.640.000	398.623.000	
6	622	073	1039894	Trường THCS Bái Tử Long	646.660.000	607.240.000	39.420.000	646.660.000	
7	622	073	1070387	Trường THCS Trọng Điểm	611.413.000	573.003.000	38.410.000	611.413.000	
8	622	073	1070386	Trường THCS Cẩm Thành	413.410.000	388.770.000	24.640.000	413.410.000	
9	622	073	1042472	Trường THCS Cẩm Bình	481.310.000	451.740.000	29.570.000	481.310.000	
10	622	073	1127017	Trường THCS Chu Văn An	578.756.000	544.256.000	34.500.000	578.756.000	
11	622	073	1042152	Trường THCS Nam Hải	280.840.000	263.320.000	17.520.000	280.840.000	
12	622	073	1042475	Trường THCS Ngô Quyền	481.308.000	451.738.000	29.570.000	481.308.000	
13	622	073	1059619	Trường THCS Cẩm Sơn	413.397.000	388.757.000	24.640.000	413.397.000	
14	622	073	1068222	Trường THCS Lý Tự Trọng	661.454.000	622.034.000	39.420.000	661.454.000	
15	622	073	1068221	Trường THCS Cẩm Thịnh	481.308.000	451.738.000	29.570.000	481.308.000	
16	622	073	1041831	Trường THCS Cửa Ông	369.060.000	344.420.000	24.640.000	369.060.000	
17	622	073	1039893	Trường THCS Mông Dương	563.903.000	529.403.000	34.500.000	563.903.000	